

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Tuân

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Toà án huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Y;

ĐKKHKT: Thôn N 2, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn Đ;

Địa chỉ: Thôn N 2, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Lê Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại gia đình anh Đ ở thôn N2,

xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc vui vẻ đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh Đ chơi bời, không chịu làm ăn. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa sống từ năm 2016, vợ chồng chị đã sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Đ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Vũ Văn Đ không có con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Vũ Văn Đ không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 7 năm 2018 bị đơn anh Vũ Văn Đ trình bày:

Anh và chị Lê Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại gia đình nhà anh ở thôn N 2, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng anh sống hòa thuận, hạnh phúc. Anh cũng không rõ nguyên nhân gì chị Y bỏ nhà đi vào khoảng giữa năm 2016. Khi đi chị Y có xin phép gia đình anh là về quê ăn cưới. Từ đó chị Y không quay lại gia đình anh nữa nên vợ chồng anh đã sống ly thân. Anh có về quê tìm chị Y nhưng không gặp được chị Y, chị Y cũng không quay về sống đoàn tụ với anh. Nay chị Lê Thị Y có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị Y không có con chung

Về tài sản chung: Anh và chị Lê Thị Y không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, lời khai của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm

2015; Các Điều 28, 147, 70, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Xử cho chị Lê Thị Y được ly hôn với anh Vũ Văn Đ; Về con chung: Chị Lê Thị Y và anh Vũ Văn Đ không có con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Y phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về việc vắng mặt của bị đơn anh Vũ Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Văn Đ có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Vũ Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định chị Lê Thị Y và anh Vũ Văn Đ tự nguyện kết hôn và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2014. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh Đức chơi bời không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng hai bên không khắc phục được. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị Lê Thị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo anh Vũ Văn Đ đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn giữa chị Y và anh Đ. Tuy nhiên anh Đ xin vắng mặt tại phiên hòa giải, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ, không đưa ra được biện pháp gì hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Bản thân chị Y tại phiên tòa vẫn xác định chị không còn tình cảm vợ chồng, chị không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với anh Đ và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn Đ.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Lê Thị Y và anh Vũ Văn Đ đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Y với anh Đ là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Lê Thị Y được ly hôn với anh Vũ Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Y và anh Vũ Văn Đ không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Y và anh Vũ Văn Đ xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 70, 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Y được ly hôn với anh Vũ Văn Đ.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị Y đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0015145 ngày 25 tháng 5 năm 2018) nên không phải nộp nữa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- UBND xã A (nơi ĐKKH);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tươi

